TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Bà Ngô Thị Ân

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; Sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C; Sinh năm: 1986
Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2023 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/7/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh C không chịu khó làm ăn để cùng chị nuôi con mà thường xuyên rượu chè, lô đề, bài bạc. Từ đó, khiến cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi vã, gia đình không hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ được 02 năm nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể không thể chung sống với anh C được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 11/09/2012 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/07/2017. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng), hai cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2023, anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/7/2012. Sau khi kết hôn, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, làm ăn hay bị thua lỗ nên vợ chồng cũng có lời qua, tiếng lại và cãi vã nhau. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không muốn ly hôn với chị H. Anh mong muốn chị H cho anh cơ hội để vợ chồng được đoàn tụ và cùng nhau nuôi dậy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 11/09/2012 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/07/2017. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/7/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 11/09/2012, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh C vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh C và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh C theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Nguyên đơn là chị Bùi Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh C đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị H và anh C.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/7/2012 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống và bất đồng trong công việc nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thêm vào đó, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Hiện tại, chị H và anh C đã sống ly thân đã 02 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc này, đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh C mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị H nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 11/09/2012 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/07/2017. Ly hôn, cả chị H và anh C đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Xét thấy, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là như nhau. Mặt khác, cháu H là con trai nên giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, cháu D là con gái nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp về mặt tình cảm và giới tính.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 11/09/2012 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/07/2017, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch

Thành theo biên lai số AA/2021/0008010 ngày 10/4/2023. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn C. Chị H và anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc